

Bản án số: 102/2019/DS-PT

Ngày: 10 - 4 - 2019

“Về vay tài sản”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Huỳnh Văn Út

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Thành Lập

Ông Phạm Việt Trung

- Thư ký phiên tòa: Ông Huỳnh Văn Đoan – Là Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Ngọc Dẽ - Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 4 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 72/2019/TLPT-DS ngày 06 tháng 3 năm 2019 về việc “Vay tài sản”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 02/2019/DS-ST ngày 19 tháng 01 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 99/2019/QĐPT-DS ngày 20 tháng 3 năm 2019 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Trần Văn B, sinh năm 1986; cư trú tại: Ấp M, xã Vĩnh Ph, huyện P, tỉnh B (vắng mặt).

- Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông Nguyễn Chí Đ, sinh năm 1993; cư trú tại: Ấp K, xã K, huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau (có mặt).

- Bị đơn:

1. Ông Nguyễn Lê M, sinh năm 1975; cư trú tại: Ấp Đ, xã Kh, huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau. (có mặt).

2. Bà Lý Thu N, sinh năm 1975; cư trú tại: Ấp K, xã K, huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau (có mặt).

- Người kháng cáo: Ông Trần Văn B – Là bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Ông Trần Văn B và người đại diện theo ủy quyền của ông B trình bày:

Vào năm 2009, Ông Nguyễn Lê M và Bà Lý Thu N có nhờ ông B đứng tên vay của Phòng giao dịch Ngân hàng chính sách xã hội huyện Trần Văn Thời dùm cho ông M, bà N số tiền 25.000.000 đồng và lãi theo Ngân hàng. Ông đi làm ăn xa nên khoản nợ trên, ông M, bà N tự thanh toán lãi cho Ngân hàng. Đến nay, ông M và bà N vẫn chưa trả nợ cho Ngân hàng nên ông yêu cầu ông M, bà N trả cho ông số tiền 25.000.000 đồng để ông trả nợ cho Phòng giao dịch Ngân hàng chính sách xã hội huyện Trần Văn Thời.

- Ông Nguyễn Lê M trình bày: Trong thời gian chung sống, ông và Bà Lý Thu N có nhờ Ông Trần Văn B vay số tiền 25.000.000 đồng để sử dụng chung cho gia đình. Nay ông và bà N đã ly hôn nên ông đồng ý trả ½ khoản nợ trên là 12.500.000 đồng; bà N trả 12.500.000 đồng cho ông B.

- Bà Lý Thu N trình bày: Bà không biết số nợ trên nên bà không đồng ý trả theo yêu cầu của ông B.

Từ nội dung vụ án nêu trên, tại Bản án dân sự sơ thẩm số: 02/2019/DS-ST ngày 19 tháng 01 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau quyết định:

Căn cứ vào: Các Điều 26, 35, 39, 144, 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Các Điều 163, 164, 166 Bộ luật dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận yêu cầu của Ông Trần Văn B kiện đòi Bà Lý Thu N, Ông Nguyễn Lê M 25.000.000 đồng (hai mươi lăm triệu đồng).

2. Về án phí: Ông Trần Văn B phải chịu 1.250.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm. Ông B có nộp tạm ứng số tiền 625.000 đồng tại biên lai số 0008686 ngày 17 tháng 9 năm 2018, được đối trừ; ông B còn phải nộp tiếp số tiền án phí 625.000 đồng. Ông Nguyễn Lê M, Bà Lý Thu N không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Ngoài ra, án sơ thẩm còn tuyên về án quyền kháng cáo theo luật định.

Ngày 22 tháng 01 năm 2019, Ông Trần Văn B kháng cáo yêu cầu sửa Bản án sơ thẩm, yêu cầu cấp phúc thẩm buộc ông Lê Văn Mười, Bà Lý Thu N phải trả lại cho ông B số tiền 25.000.000 đồng; vì ông M, bà N có mượn ông B đứng ra vay tiền giùm tại Ngân hàng chính sách xã hội huyện Trần Văn Thời.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau phát biểu: Về tố tụng, Thẩm phán, Hội đồng xét xử tiến hành đúng theo quy định của pháp luật tố tụng và các đương sự cũng chấp hành đúng với quyền và nghĩa vụ của các đương sự được pháp luật quy định. Về nội dung, đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm: Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự; tuyên xử không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của Ông Trần Văn B, giữ nguyên Bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Xét kháng cáo của Ông Trần Văn B kháng cáo yêu cầu sửa Bản án sơ thẩm, yêu cầu cấp phúc thẩm buộc ông Lê Văn Mười, Bà Lý Thu N phải trả lại cho ông B số tiền 25.000.000 đồng; vì ông M, bà N có mượn ông B đứng ra vay tiền gửi tại Ngân hàng chính sách xã hội huyện Trần Văn Thời. Hội đồng xét xử thấy rằng:

[2] Tranh chấp giữa các đương sự được xác định là tranh chấp “*Hợp đồng vay tài sản*” theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự, Điều 463 Bộ luật dân sự, vì ông B cho rằng ông vay tiền Ngân hàng để cho ông M, bà N vay lại (không lãi), nhưng Bản án sơ thẩm xác định quan hệ tranh chấp nêu trên là “*Tranh chấp quyền sở hữu*” theo khoản 2 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự là không đúng.

[3] Theo người đại diện của Ông Trần Văn B trình bày, ông B có đứng tên vay của Phòng giao dịch Ngân hàng chính sách xã hội huyện Trần Văn Thời với tổng số tiền là 25.000.000 đồng, khi vay có con ông M, bà N là Nguyễn Tuyết Kha đứng ra ký là người thừa kế khoản nợ này (mục đích là ông B không trả thì bà Kha phải chịu trách nhiệm). Quá trình giải quyết vụ án, ông M xác định việc ông B vay xong có đưa tiền lại cho vợ chồng ông bà (và bà N đứng ra nhận tiền). Trước yêu cầu khởi kiện của ông B, thì ông M đồng ý trả $\frac{1}{2}$ với số tiền là 12.500.000 đồng, phần còn lại 12.500.000 đồng là trách nhiệm trả nợ của bà N, vì khoản nợ này phát sinh trong thời kỳ hôn nhân, nhưng bà N không thừa nhận nợ chung và không đồng ý trả. Bản án sơ thẩm tuyên xử không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông B, với nhận định là *ông B chưa trả tiền cho Ngân hàng nên chưa phát sinh thiệt hại*. Bản án sơ thẩm nhận định nêu để không chấp nhận yêu cầu của ông B là chưa phù hợp, vì tranh chấp trong vụ án được xác định là tiền vay, người khởi kiện có căn cứ thì chấp nhận, chứ không thể đề cập đến hậu quả thiệt hại. Đối với ông B đứng ra vay Ngân hàng, đây là quan hệ giao dịch giữa Ngân hàng với ông B. Đã qua, ông B cũng là người trả lãi cho Ngân hàng và vay đáo hạn, nay còn nợ tổng số là 25.000.000 đồng. Ông B xác định khi nhận tiền vay, ông đã đưa cho vợ chồng ông Năm vay lại (không lãi), thì đây là quan hệ giao dịch khác giữa ông B với vợ chồng bà N, không liên quan đến Ngân hàng. Tuy nhiên, tại Tòa bà N cho rằng khoản nợ này không liên quan gì đến bà N, nhưng bà N thừa nhận khi cho vay, bà N làm tổ trưởng xét hồ sơ vay, ông M lập hồ sơ dùm cho ông B, nhưng trong hồ sơ vay lại có chữ ký của Nguyễn Tuyết Kha (con của ông M, bà N) là người thừa kế nợ. Như vậy, từ khi vay bà N đã biết việc vay này, và cũng chấp nhận cho con bà là Kha cùng hộ khẩu đứng ra thừa kế khoản nợ, nay bà N cho rằng đây là nợ riêng, nhưng thời điểm này là trong thời kỳ hôn nhân giữa ông M, bà N, nên bà N phải cùng có trách nhiệm trả khoản nợ này. Đồng thời, theo Bản án phúc thẩm hôn nhân và gia đình số: 31/2018/HNGĐ-PT ngày 17-8-2018 của TAND tỉnh Cà Mau giải quyết cho ly hôn giữa ông M, bà N, thì khoản nợ của Ông đã được nêu trong vụ án này từ cấp sơ thẩm, nhưng chưa được giải quyết (vì chưa có yêu cầu của ông B). Vì vậy, lời trình bày của bà N cho rằng là nợ riêng của ông M là không phù

hợp. Sau khi xét xử sơ thẩm xong, vào ngày 15.3.2019, Ông Trần Văn B cũng đã trả nợ cho Ngân hàng đầy đủ 25.000.000 đồng, nên cần buộc ông Năm bà Mười cùng trả cho ông B tổng số tiền 25.000.000 đồng (mỗi người trả 12.500.000 đồng) là phù hợp. Từ nhận định trên, cần chấp nhận yêu cầu kháng cáo của Ông Trần Văn B và sửa toàn bộ Bản án sơ thẩm là có căn cứ.

[6] Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau: Đề nghị giữ nguyên Bản án sơ thẩm.

[7] Về án phí: Án phí sơ thẩm, Ông Trần Văn B không phải chịu, đã dự nộp 625.000.000 đồng được hoàn lại. Ông M, bà N mỗi người phải chịu án phí có giá ngạch 625.000.000 đồng là đúng theo Điều 26 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Án phí phúc thẩm: Ông Trần Văn B không phải chịu, đã dự nộp 300.000 đồng được hoàn lại.

[8] Những quyết định khác của án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 26; khoản 2 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 463, khoản 1 Điều 469 Bộ luật dân sự năm 2015; điểm d khoản 1 Điều 12, khoản 1 Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu kháng cáo của Ông Trần Văn B. Sửa Bản án dân sự sơ thẩm số: 02/2019/DS-ST ngày 19 tháng 01 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau:

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu của Ông Trần Văn B kiện đòi Bà Lý Thu N, Ông Nguyễn Lê M 25.000.000 đồng (*hai mươi lăm triệu đồng*).

Buộc Bà Lý Thu N và Ông Nguyễn Lê M trả cho Ông Trần Văn B 25.000.000 đồng (mỗi người trả 12.500.000 đồng).

Kể từ ngày người có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án không thi hành khoản tiền nêu trên thì hàng tháng phải chịu lãi suất chậm thi hành án theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

2. Về án phí:

Án phí sơ thẩm: Ông Trần Văn B không phải chịu, đã dự nộp số tiền 625.000 đồng tại biên lai số 0008686 ngày 17 tháng 9 năm 2018, được nhận lại. Bà Lý Thu N phải chịu 625.000.000 và Ông Nguyễn Lê M chịu 625.000.000 đồng (chưa nộp).

Án phí phúc thẩm: Ông Trần Văn B không phải chịu, đã dự nộp 300.000 đồng tại biên lai thu số: 2646 ngày 22-11-2019 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau được nhận lại.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự (được sửa đổi, bổ sung năm 2014).

Những quyết định khác của án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau;
- TAND thành phố Cà Mau;
- Chi cục THADS thành phố Cà Mau;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu án văn;
- Lưu VT (TM:TANDTCM).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Huỳnh Văn Út